

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1321/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 5- 2025
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Lợi.
- Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mên– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 489/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4034/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thảo D, sinh năm 2002 (có mặt)

Địa chỉ: Căn hộ A, Tòa S chung cư V, đường N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Đăng H1, sinh năm 2002 (có mặt)

Địa chỉ: Số B đường N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2025, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản không tiến hành hòa giải được trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Võ Thị Thảo D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng Đăng H1 tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau, tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2023 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2023. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà và ông H1 hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian ngắn. Sau đó, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống khác biệt nên không thể hòa hợp. Mâu thuẫn diễn ra thường xuyên và gay gắt dẫn đến việc hai vợ chồng thường xuyên xung đột, có những lời lẽ xúc phạm lẫn nhau khiến cho cuộc sống chung của hai vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc. Mặc dù, bà và ông H1 cũng như gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm hai vợ chồng nhưng vẫn không được. Từ giữa năm 2024, bà và ông H1 đã không còn chung sống với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, gắn bó và trách nhiệm với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có tiếng nói cũng như quan điểm chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông H1 có một con chung tên Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 18/7/2023. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Đăng H1 cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp Tòa án giải quyết giao con chung cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đăng H1 trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà D về thời điểm chung sống, thời gian kết hôn giữa ông và bà D là đúng sự thật. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu. Sau đó, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về quan điểm, lối sống không hợp nhau. Do hai vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại nên bà D đã chuyển ra ngoài sinh sống, từ đó vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc và trách nhiệm với nhau. Hai bên đã ly thân từ khoảng giữa năm 2024 đến nay. Bản thân ông nhận thấy không còn tình cảm với bà D, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, bà D yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà D để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà D có một con chung tên Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 18/7/2023. Ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng thì ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Thảo D được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đăng H1.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 18/7/2023 cho bà Võ Thị Thảo D trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay trẻ Phương A đang dưới 36 tháng tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà D không yêu cầu ông H1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Võ Thị Thảo D xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Đăng H1, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đăng H1 đang cư trú tại địa chỉ số B, đường N, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp của vợ chồng. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm sát việc tuân theo pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thảo D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Đăng H1, Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2023, bà D và ông H1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2023 ngày 10/02/2023. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì hôn nhân của bà D và ông H1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà D và ông H1 đều xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc cho cả hai vợ chồng, mục đích hôn nhân cũng không đạt được, hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ giữa năm 2024, cả hai đã không còn sống chung, không quan tâm, gắn bó và trách nhiệm với nhau. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của bà D và ông H1. Tại công văn số 291/UBND ngày 07/5/2025, Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T cho biết hiện tại, bà Võ Thị Thảo D và ông Nguyễn Hoàng Đăng H1 hiện tại không chung sống cùng nhau do trong quá trình hôn nhân phát sinh nhiều điểm không hoà hợp. Trong quá trình chung sống tại địa phương không phát hiện có bạo lực gia đình xảy ra. Quá trình giải quyết

vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải, phân tích và động viên các bên bỏ qua những mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung nhưng cả hai vẫn giữ nguyên ý kiến. Như vậy, mục đích hôn nhân của bà D và ông H1 không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định giữa bà D và ông H1 không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Thảo D được ly hôn ông Nguyễn Hoàng Đăng H1.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà D, ông H1 và tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Bà D và ông H1 có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 18/7/2023. Tại Toà, cả hai đều tranh chấp quyền nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại công văn số 291/UBND ngày 07/5/2025, Ủy ban nhân dân phường B cho biết: Về con chung Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 18/7/2023 đang sinh sống cùng cha và ông bà nội tại địa chỉ số B, đường N, Khu phố A, phường B, thành phố T. Xét thấy: Trẻ Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 18/7/2023 đến nay mới được 22 tháng tuổi. Như vậy, bé thuộc trường hợp trẻ dưới 36 tháng tuổi và bà D không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao như: Mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bị bệnh nặng khác mà không thể tự chăm sóc bản thân hoặc không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Có thu nhập mỗi tháng thấp hơn 01 tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người mẹ đang cư trú và không có tài sản nào khác để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Người mẹ không có điều kiện về thời gian tối thiểu để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Thảo D: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 18/7/2023 cho bà Võ Thị Thảo D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Võ Thị Thảo D không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Đăng H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức về phần con chung là có cơ sở.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông H1 đều không yêu cầu Toà án xem xét và giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở và phù hợp với các quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Võ Thị Thảo D chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0081764 ngày 19/02/2025 của

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 271; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 và các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thảo D:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thảo D được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Đăng H1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2023 ngày 10/02/2023 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 18/7/2023 cho bà Võ Thị Thảo D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Thảo D không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Đăng H1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thi hành tại cơ quan có thẩm quyền về Thi hành án dân sự.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình

năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

2. Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Võ Thị Thảo D chịu nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0081764 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Võ Thị Thảo D và ông Nguyễn Hoàng Đăng H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Hà Thị H2